

**CÔNG TY CỔ PHẦN INATEK VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN INATEK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INATEK VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INATEK VN CO.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109454883

**3. Ngày thành lập:** 15/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 14, Phố Ao Sen, Tổ dân phố 4, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: *Info@inatek.vn*

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp có liên quan đến ngành: Điện, điện tử, điện lạnh, đông lạnh, cơ khí, cấp thoát nước, nước - xử lý nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3290     |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: bảo trì, sửa chữa thiết bị xây dựng, thiết bị công nghiệp, máy phát điện, động cơ điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3312     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa liên quan đến ngành : điện, điện tử, điện lạnh, đông lạnh, cơ khí, nước - xử lý nước và chế biến thực phẩm;<br>- Bảo hành, bảo trì thiết bị thông tin - viễn thông : máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, điện thoại, hệ thống truyền hình vệ tinh Parabol; hệ thống camera quan sát, thống trộm; hệ thống phòng - chữa và báo cháy tự động + Sửa chữa, bảo hành, bảo trì: hệ thống y tế, hệ thống mạng máy tính, hệ thống lò hơi và khí nén, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống gas (khí đốt), thiết bị nhà bếp (trừ mua bán khí dầu mỏ hoá lỏng LPG), hồ bơi, thiết bị thang cuốn, thang máy, chống cháy tòa nhà, đỗ xe tự động, trang thiết bị văn phòng, Khách sạn, nhà máy, bệnh viện. Hệ thống an ninh tòa nhà, đỗ xe tự động. Hệ thống thiết bị nhà ga sân bay | 3319     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt liên quan đến ngành : điện, điện tử, điện lạnh, đông lạnh, cơ khí, nước - xử lý nước và chế biến thực phẩm;<br>- Thi công lắp đặt : Hệ thống điện, hệ thống y tế, hệ thống mạng máy tính, hệ thống lò hơi và khí nén, hệ thống cấp thoát nước hệ thống gas (khí đốt), thiết bị nhà bếp (trừ mua bán khí dầu mỏ 3320 X hoá lỏng LPG), hồ bơi, thiết bị thang cuốn, thang máy, chống cháy tòa nhà, đỗ xe tự động, trang thiết bị văn phòng, khách sạn, nhà máy, bệnh viện. Hệ thống an ninh tòa nhà, đỗ xe tự động. Hệ thống thiết bị nhà ga sân bay | 3320        |
| 5. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt công trình điện đến 35KV. Thi công lắp đặt công trình điện đến 110KV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4299        |
| 6. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: lắp đặt thiết bị thông tin - viễn thông : máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, điện thoại, hệ thống truyền hình vệ tinh Parabol; hệ thống camera quan sát, thống trộm; hệ thống phòng - chữa và báo cháy tự động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 7. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Mua bán thiết bị thông tin - viễn thông : máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, điện thoại, hệ thống truyền hình vệ tinh Parabol; hệ thống camera quan sát, thống trộm; hệ thống phòng - chữa và báo cháy tự động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 8. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Mua bán thiết bị xây dựng, thiết bị công nghiệp, máy phát điện, động cơ điện;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 9. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết :<br>- Mua bán có liên quan đến ngành : điện, điện tử, điện lạnh, đông lạnh, cơ khí, nước - xử lý nước và chế biến thực phẩm;<br>- Bán buôn hệ thống mạng máy tính, hệ thống lò hơi và khí nén, hệ thống cấp thoát nước , hệ thống gas (khí đốt), thiết bị nhà bếp (trừ mua bán khí dầu mỏ hoá lỏng LPG), hồ bơi, thiết bị, thang cuốn, thang máy, chống cháy tòa nhà, đỗ xe tự động, trang thiết bị văn phòng, Khách sạn, nhà máy, bệnh viện. Hệ thống an ninh tòa nhà, đỗ xe tự động. Hệ thống thiết bị nhà ga sân bay                               | 4669(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế phần cơ<br>- Điện công trình dân dụng công nghiệp.<br>- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp.<br>- Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước.<br>- Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải.<br>- Thiết kế hệ thống thiết bị, công nghệ phòng cháy, chữa cháy công trình xây dựng | 7110 |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất, sân vườn, cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ có liên quan đến ngành: Điện, điện tử, điện lạnh, đông lạnh, cơ khí, cấp thoát nước, nước - xử lý nước và chế biến thực phẩm.<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)                                                                 | 8299 |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Thi công kết cấu thép, khung nhà, xưởng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390 |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610 |
| 15. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4742 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy công trình và các loại máy chuyên dụng phục vụ công trình, vật tư, thiết bị điện trung và hạ thế                                                                                                                                                                                   | 7730 |
| 18. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3700 |
| 19. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3811 |
| 20. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3821 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG TÙNG NAM   | Tổ dân phố số 4, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 195.000    | 1.950.000.000         | 39,000    | 001085013764                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 195.000    | 1.950.000.000         | 39,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI THANH PHONG | Thôn Du Tái, Xã Tiên Tiến, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 030096005166                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                           |                           |         |               |        |              |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | VŨ TUẤN HÙNG | 3530-HH3B- CC6 Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 255.000 | 2.550.000.000 | 51,000 | 019082000457 |
|   |              |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                           | Tổng số                   | 255.000 | 2.550.000.000 | 51,000 |              |
|   |              |                                                                                           |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ TUẤN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019082000457

Ngày cấp: 01/04/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3530-HH3B- CC6 Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 3530-HH3B- CC6 Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội